

Số: 2492/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 58/2025/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6853/TTr-SNNMT ngày 08/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã,

kinh tế trang trại, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cơ điện nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, phát triển nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, diêm nghiệp, bố trí ổn định dân cư, hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 trên địa bàn tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực phát triển nông thôn, diêm nghiệp và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định của pháp luật và sự phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và Văn phòng điều phối Quốc gia Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An (gọi tắt là Chi cục) đặt tại số 4, đường Vương Thúc Mậu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển lĩnh vực, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của Chi cục;

2. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực kinh tế hợp tác, phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng; hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn, giảm nghèo và an sinh xã hội; phát triển kinh tế

trang trại, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án sản xuất muối trên địa bàn tỉnh; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản, diêm nghiệp tập trung; bố trí ổn định dân cư, di dân tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện; định canh; phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; bảo tồn và phát triển các làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, tôn vinh, công nhận và phát triển nghề nhân, thợ giỏi lĩnh vực ngành nghề nông thôn; phát triển ngành thủ công mỹ nghệ; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; an toàn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp;

5. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản và muối tập trung; thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn về máy móc và thiết bị nông nghiệp; phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp; bảo tồn và phát triển các làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, tôn vinh, công nhận và phát triển nghề nhân, thợ giỏi lĩnh vực ngành nghề nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định; theo dõi, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cấp có thẩm quyền về các nhiệm vụ giao Chi cục thực hiện;

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn;

7. Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 trên địa bàn tỉnh; chương trình hành động không còn nạn đói; bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh;

8. Hướng dẫn, kiểm tra các chương trình, dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công và quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, tổ chức sản xuất muối trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc sản xuất muối và các sản phẩm từ muối ở địa phương; thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng, an toàn lao động, môi trường của các cơ sở sản xuất muối (không bao gồm muối dùng trong lĩnh vực y tế).

10. Tham mưu, triển khai, thực hiện nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, cải cách hành chính thuộc chuyên ngành, lĩnh vực được giao.

11. Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật, phân công, theo ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Chủ trì tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc chuyên ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trong phạm vi quản lý.

13. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường trên địa bàn tỉnh.

15. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất của ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Chi cục trên địa bàn tỉnh; tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

16. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc thuộc Chi cục quản lý theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền liên quan.

20. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế

1. Lãnh đạo Chi cục

a) Lãnh đạo Chi cục gồm Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng;

b) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục;

c) Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Chi cục;

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức hiện hành.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Tài chính, Tổng hợp;

b) Phòng Kinh tế hợp tác và Bố trí dân cư;

c) Phòng Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Phòng thuộc Chi cục bố trí tối thiểu 5 biên chế công chức; phòng có dưới 10 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; có từ 10 đến 14 biên chế công chức được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng; có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng. Số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức phải bảo đảm nguyên tắc số lượng cấp phó trong một tổ chức trực thuộc tối đa không vượt quá số lượng cấp phó của tổ chức cấp trên trực tiếp.

3. Đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục:

Trước mắt giữ nguyên theo hiện trạng; đơn vị chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức lại theo lộ trình quy định và khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

4. Biên chế, số người làm việc:

a) Biên chế của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An được xác định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, đề án vị trí việc làm và cơ cấu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Chi cục trưởng Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (N).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An